

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
Nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 12/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 08/6/2021 của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai,

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai, bao gồm các nội dung sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai (dưới đây gọi là Ban kiểm soát), bao gồm các quy định về tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ, chế độ làm việc và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

**Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT****Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên kiêm nhiệm, Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty quy định.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, thì Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh; báo cáo tài chính hằng quý, bán niên và năm của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc công ty trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty chi trả.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp và kết luận kiến nghị của Ban kiểm soát, kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty và các cổ đông.

7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét

thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố

thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng), thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai bao gồm 07 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2021./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đào Thị Minh Thủy

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai ngày 08/6/2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai đã thống nhất Quyết nghị thông qua Nghị quyết của Đại hội với các nội dung chính sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và nhiệm kỳ 2016 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2021 và nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2016 - 2020 của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 3. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

2. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, gồm:

- Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt

Địa chỉ: Số 8, phố Cát Linh, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt

Địa chỉ: Số 07 TT2/96B Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá ATC

Địa chỉ: Tòa nhà ATC, Lô D12, khu đất đấu giá Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán nêu trên theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Điều 4. Thống nhất thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Người quản lý công ty năm 2020 và quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của Người quản lý công ty năm 2021.

1. Quỹ lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2020

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Chức danh	Lương, thù lao kế hoạch năm 2020 (tháng)	Quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2020			Quỹ thưởng thực hiện năm 2020
			Lương, thù lao tháng	Số tháng làm việc	Tổng lương, thù lao năm	
I	Quỹ lương thực hiện của người quản lý chuyên trách năm 2020			2.278.754.000	94.948.000	
1	Chủ tịch HĐQT	32.504.000	37.380.000	12		
2	Giám đốc	31.300.000	35.995.000	12		
3	Phó Giám đốc (ông Tốt)	27.688.000	31.841.000	10		
4	Phó Giám đốc	27.688.000	31.841.000	12		
5	Trưởng ban Kiểm soát	25.281.000	29.073.000	12		
6	Kế toán trưởng	25.281.000	29.073.000	12		
II	Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách năm 2020			155.444.000	6.477.000	
1	Thành viên HĐQT	4.224.000	4.857.000	12		

2	Thành viên HĐQT (ông Tốt)		4.857.000	2		
3	Thành viên BKS	3.168.000	3.643.000	12		
4	Thành viên BKS	3.168.000	3.643.000	12		
Tổng cộng (I + II) :					2.434.198.000	101.425.000

2. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2021.

Từ năm 2021, với yêu cầu nhiệm vụ, Công ty đã điều chỉnh tăng số thành viên Hội đồng quản trị lên 7 người. Vì vậy, quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2021 của Người quản lý công ty được xác định như sau:

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Chức danh	Mức lương, thù lao thực hiện năm 2020 (tháng)	Quỹ lương, thù lao kế hoạch năm 2021			Quỹ thưởng kế hoạch năm 2021
			Mức lương, thù lao kế hoạch tháng	Số tháng làm thực tế	Mức lương, thù lao kế hoạch năm	
I	Quỹ lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách năm 2021				2.252.486.000	93.854.000
1	Chủ tịch HĐQT	37.380.000	34.763.000	12		
2	Giám đốc	35.995.000	33.475.000	12		
3	Thành viên chuyên trách HĐQT		29.612.000	5		
4	Phó Giám đốc	31.841.000	29.612.000	12		
5	Phó Giám đốc	31.841.000	29.612.000	9,5		

6	Trưởng Ban kiểm soát	29.073.000	27.038.000	12		
7	Kế toán trưởng	29.073.000	27.038.000	12		
II	Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách năm 2021				155.859.000	6.494.000
1	Thành viên HĐQT	4.858.000	4.518.000	2		
2	Thành viên HĐQT	4.858.000	4.518.000	2,5		
3	Thành viên HĐQT	4.858.000	4.518.000	12		
4	Thành viên BKS	3.643.000	3.388.000	12		
5	Thành viên BKS	3.643.000	3.388.000	12		
	Tổng cộng (I + II):				2.408.345.000	100.348.000

Điều 5. Thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020.

1. Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2020 (LNST):

9.170.013.027 đồng.

2. Trích lập các quỹ (30% LNST): 2.751.003.908 đồng.

Trong đó:

a) Quỹ đầu tư phát triển (20% của 30% LNST):

550.200.782 đồng.

b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp (80% của 30% LNST):

2.200.803.126 đồng.

3. Lợi nhuận của năm 2020 còn lại để chia cổ tức (70% LNST):

6.419.009.119 đồng.

4. Tổng số cổ phần được hưởng cổ tức: 4.171.175 cổ phần.

5. Tỷ lệ chia cổ tức: 15,38897%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.538,897 đồng).

6. Triển khai thực hiện:

Sau khi phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giao cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả và thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020 theo quy định.

Điều 6. Thống nhất thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chi trả cổ tức và kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị năm 2021.

1. Kế hoạch SXKD, chi trả cổ tức năm 2021

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch năm 2021
1	Vốn điều lệ		41.711.750.000
2	Tổng doanh thu		120.000.000.000
3	Nộp ngân sách nhà nước		8.000.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	100	8.616.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	20,66
6	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:		
a	Quỹ đầu tư phát triển	25,00	2.154.000.000
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Người lao động (0,305 tháng tiền lương bình quân của NLD)	17,55	1.512.452.000
c	Quỹ khen thưởng của Người quản lý doanh nghiệp (0,5 tháng lương bình quân của NQL)	1,17	100.348.000
d	Lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức	56,28	4.849.200.000
7	Tỷ lệ cổ tức	%	11,63
8	Thu nhập bình quân người lao động/tháng		8.400.000

2. Kế hoạch đầu tư, mua sắm thiết bị năm 2021.

Đầu tư bằng nguồn vốn của Doanh nghiệp (nguồn khấu hao tài sản cố định, đầu tư phát triển và vốn huy động).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư đến 31/12/2020	KH đầu tư năm 2021
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	8.993,08	2.596,3	6.400
2	Đầu tư xây dựng lò đốt rác thải trên địa bàn thành phố Lào Cai	48.500		500
3	Mua mới 01 xe ô tô tang lễ			1.500
4	Đầu tư ga tập kết rác (05 cái); xe ép rác và xe nâng hạ			8.100
5	Các đầu tư khác			500
	Tổng công:			17.000

Điều 7. Thống nhất thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty.

Giao cho Người đại diện theo pháp luật tại Công ty hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới thay thế; hồ sơ xin thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy xác nhận về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo quy định.

Điều 8. Thống nhất thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoàn thiện và ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới thay thế.

Điều 9. Thống nhất thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoàn thiện và ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới thay thế.

Điều 10. Thống nhất thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Giao cho Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty hoàn thiện và ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát mới thay thế.

Điều 11. Thống nhất thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông sau:

- Ông: Ngô Văn Trường.
- Ông: Phạm Văn Tân.
- Ông: Trần Quang Toàn.

- Ông: Hoàng Văn Phụng.
- Ông: Đặng Văn Giáp.
- Ông: Phạm Văn Tiên.
- Ông: Đặng Anh Tuấn.

2. Thành viên Ban kiểm soát gồm các ông (bà) sau:

- Bà: Đào Thị Minh Thủy.
- Ông: Cao Xuân Hoàng.
- Bà: Lê Thị Thuận.

Điều 12. Hội đồng quản trị Công ty họp phiên thứ nhất đã thống nhất bầu ông Ngô Văn Trường làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, đồng thời là Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty và là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 13. Ban Kiểm soát Công ty họp phiên thứ nhất đã thống nhất bầu bà Đào Thị Minh Thủy làm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 14. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai thông qua toàn văn ngay tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày 08/6/2021. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và những người có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông, của Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
 - Quý Cổ đông (qua Website);
 - Lưu: VT, HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐ 2021)



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Phạm Văn Tân